

Số: 01/2024/QĐST-HNGĐ

Ngày: 21-5-2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

**V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:** Ông Nguyễn Trung Kiên
- **Thư ký phiên họp:** Bà Lương Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên họp:** Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 117/2024/TL-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp số 01/2024/QĐ-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024.

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1978 và anh Lò Văn D, sinh năm 1979, nơi ĐKKTT và nơi ở: Bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt;

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Anh Lò Văn C, sinh năm 1998, địa chỉ: Bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Chị Lò Thị X, sinh năm 2000, địa chỉ: Bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Anh Lò Văn T, sinh năm 2003, địa chỉ: Bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Trong đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật đề ngày 24/4/2024 và quá trình giải quyết việc dân sự cũng như tại phiên họp anh Lò Văn D, chị Hoàng Thị L trình bày:*

Anh Lò Văn D và chị Hoàng Thị L kết hôn với nhau từ năm 1997 do cả hai cùng tự nguyện, không ai bị ép buộc. Anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định và đã được UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/02/1997. Anh chị cũng đã được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán. Do thiếu hiểu biết pháp luật và nói không đúng chuẩn tiếng Việt (do là người dân tộc thiểu số) nên anh D, chị L đã tự ý khai tăng tuổi anh Lò Văn D lên để đăng ký kết hôn. Vì vậy trong giấy chứng nhận của UBND xã C cấp cho anh chị có ghi tên chồng là Lò Văn D, sinh năm 1977 và vợ là Hoàng Thị Đ sinh năm 1977. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn này, khai sinh của ba con chung của anh chị là Lò Văn C, sinh năm 1998, Lò Thị X, sinh năm 2000 và Lò Văn T, sinh năm 2003 đều thể hiện tên mẹ là Hoàng Thị Đ và tên bố là Lò Văn D. Hiện tại tên theo căn cước công dân của anh chị và các giấy tờ khác có liên quan đều được khai thông nhất là Lò Văn D, sinh ngày 30/01/1979 có số căn cước: 014079005446 do Cục CSQLHC về TTXH Bộ Công an cấp ngày 27/6/2021 và Hoàng Thị L, sinh ngày 22/9/1978 có số căn cước công dân: 014178007377 do Cục CSQLHC về TTXH Bộ Công an cấp ngày 27/6/2021. (Anh D đã được khai sinh theo giấy khai sinh gốc là ngày 30/01/1979 tên Lò Văn D, chị L thời điểm đi đăng ký kết hôn chưa có giấy khai sinh và giấy CMTND).

Để đảm bảo thống nhất trong các giấy tờ tùy thân và giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng, anh D, chị L đề nghị Tòa án xem xét hủy kết hôn trái pháp luật giữa hai vợ chồng và công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị từ khi có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Anh D, chị L có 03 con chung là các cháu Lò Văn C, sinh năm 1998, Lò Thị X, sinh năm 2000 và Lò Văn T, sinh năm 2003. Hiện cả ba cháu đều đã trưởng thành và có khả năng lao động. Anh D, chị L đề nghị Tòa án xem xét công nhận anh chị là bố mẹ của các cháu theo đúng tên tuổi hiện tại của vợ chồng anh chị là Lò Văn D, sinh năm 1979 và Hoàng Thị L, sinh năm 1978.

Anh D, chị L không có đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

*Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 02/5/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La trình bày:*

Tại sổ đăng ký kết hôn số thứ tự 37 ngày 05/02/1997 đang lưu giữ tại UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La có thể hiện: Họ tên vợ: Hoàng Thị Đ sinh năm 1977, nơi cư trú: Bản B, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Họ tên chồng: Lò Văn D sinh năm 1977, nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Do anh D chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên hai anh chị đã tự ý khai tăng tuổi lên, còn đối với tên Hoàng Thị Đ và Lò Văn D là do anh chị là người dân tộc thiểu số phát âm không đúng chuẩn tiếng Việt. Cán bộ tư pháp hộ tịch cũng có sơ suất không kiểm tra đối chiếu lại nên đã đăng ký kết hôn cho anh chị như trên. Từ giấy chứng nhận kết hôn, cả ba con chung của anh Lò Văn D và chị Hoàng Thị L là các cháu Lò Văn

C sinh năm 1998, Lò Thị X sinh năm 2000, Lò Văn T sinh năm 2003 đều có khai sinh tên mẹ là Hoàng Thị Đ và bố Lò Văn D. Căn cứ vào xác nhận thông tin về cư trú và căn cước được cấp cho anh Lò Văn D và chị Hoàng Thị L hiện tại, UBND xã C xác nhận anh Lò Văn D sinh năm 1977 với Lò Văn D sinh năm 1979 là cùng một người và Hoàng Thị Đ sinh năm 1977 với Hoàng Thị L sinh năm 1978 là cùng một người.

Nay anh Lò Văn D và chị Hoàng Thị L đều có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật do vi phạm tuổi kết hôn và công nhận quan hệ vợ chồng từ thời điểm anh D, chị L đủ tuổi kết hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã C, huyện M đề nghị giải quyết vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc.

*Tại các bản tự khai và tại phiên họp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Văn Cg, Lò Thị X và Lò Văn T cùng có ý kiến:*

Anh Lò Văn C, sinh năm 1998, chị Lò Thị X, sinh năm 2000 và anh Lò Văn T, sinh năm 2003 là con chung của ông Lò Văn D, sinh năm 30/01/1979 và bà Hoàng Thị L, sinh ngày 22/9/1978. Tuy nhiên trong giấy khai sinh của các anh chị lại thể hiện tên bố mẹ đẻ là Lò Văn D, sinh ngày 30/01/1979 và Hoàng Thị Đ, sinh ngày 20/12/1978. Để đảm bảo thống nhất trong các giấy tờ tùy thân cho các anh chị đề nghị Tòa án công nhận ông Lò Văn D, sinh năm 30/01/1979 và bà Hoàng Thị L, sinh ngày 22/9/1978 là bố mẹ đẻ của các anh chị để anh chị được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thay đổi hộ tịch cho anh chị theo quy định.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định.

Về đường lối giải quyết vụ việc: Căn cứ khoản 1, 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; 361, 367, 370, 371, 372 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 5, 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 6 Điều 3; 8, 9, 10, 11, 12, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 3, Điều 4, Điều 30 Luật Hộ tịch;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của anh Lò Văn D và chị Hoàng Thị L.

Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 37/1997 ngày 05/02/1997 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.

Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Lò Văn D và chị Hoàng Thị L kể từ ngày 31/01/1999.

2. Chấp nhận yêu cầu của anh Lò Văn D và chị Hoàng Thị L: Xác nhận anh D, chị L có 03 con chung là Lò Văn C, sinh năm 1998, Lò Thị X, sinh năm 2000, Lò Văn T, sinh năm 2003. Anh D, chị L, có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thay đổi hộ tịch cho các con chung.

Người yêu cầu anh Lò Văn D, chị Hoàng Thị L được miễn toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do là người dân tộc thiểu số sống với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lò Văn D, chị Hoàng Thị L hiện cư trú tại bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La và việc đăng ký kết hôn của anh chị được thực hiện tại UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La nên căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định việc dân sự yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Ủy ban nhân dân xã C, huyện M được Tòa án triệu tập họp lệ có đề nghị xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 367 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn:

[2.1] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh Lò Văn D kết hôn với chị Hoàng Thị L vào năm 1997 trên cơ sở tự nguyện và đã được UBND xã Ch, huyện M, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/02/1997.

Căn cứ căn cước số: 014079005446 do Cục CSQLHC về TTXH Bộ Công an cấp ngày 27/6/2021 và giấy khai sinh số 15/2019, ngày 14/4/2019 do UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La cấp cho anh Lò Văn D, sinh ngày 30/01/1979 và căn cước công dân số: 014178007377 do Cục CSQLHC về TTXH Bộ Công an cấp ngày 27/6/2021 và giấy khai sinh số 95/2018, ngày 20/7/2018 do UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La cấp cho chị Hoàng Thị L, sinh ngày 22/9/1978: Xét thấy: Thời điểm anh D, chị L thực hiện đăng ký kết hôn ngày 05/02/1997 anh D mới 18

tuổi 06 ngày chưa đủ tuổi để thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Anh D, chị L xác nhận do là người dân tộc thiểu số nên anh chị phát âm không chính xác tên mình và tự ý khai tăng tuổi anh D lên (sinh năm 1979 thành năm 1977) để đủ điều kiện đăng ký kết hôn. Chị L chưa có giấy khai sinh và chứng minh thư nhân dân lúc đăng ký kết hôn không nhớ chính xác năm sinh của mình nên khai sinh năm 1977. Do có thiếu sót trong quá trình kiểm tra giấy tờ hộ tịch khi thực hiện đăng ký kết hôn nên UBND xã C, huyện M đã thực hiện đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh D, chị L có nhầm lẫn tên Lò Văn D, sinh ngày 30/01/1979 thành Lò Văn D, sinh năm 1977 và Hoàng Thị L sinh ngày 22/9/1978 thành Hoàng Thị Đ, sinh năm 1977.

Hiện toàn bộ các giấy tờ tùy thân gồm căn cước công dân, xác nhận thông tin nơi cư trú của anh chị do Công an xã C, huyện M cung cấp thống nhất tên là Lò Văn D sinh ngày 30/01/1979 và Hoàng Thị L sinh ngày 22/9/1978 có quan hệ vợ chồng. UBND xã C, huyện M cũng đã có văn bản xác nhận nội dung sự việc trên. Do vậy, yêu cầu của anh D và chị L về hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh D và chị L theo giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 05/02/1997 là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật: Sau khi kết hôn anh D và chị L chung sống hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn và đã có 03 con chung. Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, anh D chị L đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh D, chị L cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện theo quy định. Xét yêu cầu của anh D, chị L là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh Lò Văn D sinh ngày 30/01/1979 và chị Hoàng Thị L, sinh ngày 22/9/1978 kể từ thời điểm anh D “đủ 20 tuổi” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tức là từ ngày 31/01/1999.

Anh D, chị L đều xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 03 con chung là các cháu Lò Văn C, sinh năm 1998, Lò Thị X, sinh năm 2000, Lò Văn T, sinh năm 2003. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 05/02/1997 do UBND xã C, huyện M cấp cho hai anh chị nên khai sinh của cả ba con chung đều thể hiện tên mẹ đẻ là Hoàng Thị Đ và tên bố đẻ là Lò Văn D. Do tên bố mẹ đẻ không chính xác gây khó khăn trong khi thực hiện các thủ tục hành chính cho các con chung của anh chị trong cuộc sống. Anh D, chị L và các con chung đều có yêu cầu được đính chính lại tên bố mẹ trong giấy khai sinh của các con.

Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 05/02/1997 do UBND xã C, huyện M cấp cho anh D, chị L bị hủy nên yêu cầu về thay đổi hộ tịch cho các con chung

của anh chị là có căn cứ để chấp nhận. Anh D, chị L, cháu C, cháu X và cháu T được quyền yêu cầu cơ quan hộ tịch có thẩm quyền thay đổi hộ tịch tại giấy khai sinh số 87 ngày 15/9/2003 mang tên Lò Thị X; giấy khai sinh số 88 ngày 15/9/2003 mang tên Lò Văn T; giấy khai sinh ngày 15/9/2003 mang tên Lò Văn C.

[3] Về lệ phí sơ thẩm: Anh Lò Văn D, chị Hoàng Thị L là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 5, Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 6 Điều 3; Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 3, Điều 4 và Điều 30 Luật Hộ tịch;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của anh Lò Văn D và chị Hoàng Thị L.

Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 37 đăng ký ngày 05/02/1997 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.

Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Lò Văn D, sinh ngày 30/01/1979 và chị Hoàng Thị L, sinh ngày 22/9/1978 kể từ ngày 31/01/1999.

2. Chấp nhận yêu cầu của anh Lò Văn D và chị Hoàng Thị L: Công nhận anh D, chị L có 03 con chung là Lò Văn C, sinh năm 1998, Lò Thị Xh, sinh năm 2000 và Lò Văn T, sinh năm 2003. Anh D, chị L, có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thay đổi hộ tịch cho các con chung tại các giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La cấp cùng ngày 15/9/2003 mang tên Lò Văn C (không có số); số 87 mang tên Lò Thị X; số 88 mang tên Lò Văn T.

3. Về lệ phí: Anh Lò Văn D, chị Hoàng Thị L được miễn toàn bộ tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu anh Lò Văn D, chị Hoàng Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Văn C, Lò Thị X, Lò Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định; Ủy ban nhân dân xã C vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày,

kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- UBND xã C;
- UBND xã C;
- Người yêu cầu;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, án văn,

**TM.HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Trung Kiên**